

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/DS - ST
Ngày: 25 - 7 - 2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam
2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST - DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST - DS, ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 T, phường N, quận K, thành phố Hà Nội.

1.1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A.

1.2. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A, chi nhánh KG (Văn bản ủy quyền số: 6650/2017/QĐ - TGD ngày 20/6/2017).

1.3. *Người được ủy quyền lại của nguyên đơn:* Ông Dương Bình Y, sinh năm: 1992. Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Ngân hàng thương mại cổ phần A, phòng giao dịch GR, chi nhánh KG (Văn bản ủy quyền số 333/2019/QĐ - Lienvietpostbank.KG ngày 22/4/2019) “có mặt”.

Địa chỉ: Khu phố O, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1963 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Hứa Văn I, sinh năm: 1965 “có đơn đề nghị vắng mặt”.

3.2. Bà Lê Thị Thu M, sinh năm: 1966 “có đơn đề nghị vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn đơn khởi kiện ngày 11/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người được ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Dương Bình Y trình bày:*

Ngày 07/11/2016, ông Nguyễn Văn H1 ký kết hợp đồng tín dụng số: 4902/2016/KG/HĐTD - LienVietPostBank vay Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 80.000.000 đồng; Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 10/11/2016), ngày đến hạn là ngày 10/11/2021; Lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng 12%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, nếu bên vay chậm trả lãi thì phải chịu phạt lãi do chậm trả lãi, thời gian tính lãi theo thỏa thuận một năm bằng 360 ngày; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả theo kỳ, 06 tháng trả 01 lần, gồm 10 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả 8.000.000đ, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 15/5/2017; Kỳ hạn trả tiền lãi cùng với kỳ trả nợ gốc theo dư nợ giảm dần. Hai bên có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4902/2016/HĐTC/CNKIENGIANG ngày 07/11/2016 để đảm bảo khoản nợ vay nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, kể từ ngày giải ngân cho đến nay ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là 05 kỳ, Ngân hàng cử cán bộ tín dụng trực tiếp đến nhà ông H1 nhiều lần để thông báo việc ông H1 vi phạm nghĩa vụ và yêu cầu trả nợ nhưng không làm việc được do ông H1 không có mặt tại nơi cư trú, ông H1 đi đâu và làm gì thì Ngân hàng không biết do ông H1 không thông báo cho Ngân hàng biết việc ông thay đổi nơi cư trú (nếu có).

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì trước 10 ngày của kỳ hạn trả nợ, nếu bên vay chưa có khả năng trả nợ thì phải có văn bản đề nghị gia hạn gửi cho Ngân hàng để xem xét gia hạn việc trả nợ, nếu không thực hiện thì Ngân hàng chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn nhưng ông H1 không thực hiện. Do đó, Ngân hàng đã chuyển 05 kỳ trả nợ do ông H1 vi phạm sang nợ quá hạn, kể từ ngày 15/5/2017 cho đến nay.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng số: 4902/2016/KG/HĐTD - LienVietPostBank ngày 07/11/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Nguyễn Văn H1 trước thời hạn do ông H1 vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Buộc ông H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền vay vốn còn thiếu 80.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 10/11/2016 tạm tính đến ngày 25/7/2019, trong đó: Tiền lãi trong hạn 19.472.691 đồng; Tiền lãi quá hạn 8.788.000 đồng; Tiền lãi phạt lãi 4.726.914 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi 112.987.605 đồng; Đồng thời, yêu cầu ông H1 tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tương ứng với dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp, ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4902/2016/HĐTC/CNKIENGIANG ngày 07/11/2016 để Ngân hàng thu hồi nợ. Khi ông H1 thanh toán xong toàn bộ số nợ theo hợp đồng, thì Ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp và làm thủ tục xóa thế chấp cho ông H1.

Tại phiên tòa qua giải thích pháp luật, người được ủy quyền lại của Ngân hàng thương mại cổ phần A thống nhất và tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi phạt lãi do vi phạm hợp đồng là 4.726.914 đồng.

** Ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn:* Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

** Ông Hứa Văn I, bà Lê Thị Thu M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ngày 16/8/2012, ông bà nhận cầm cố 1,5 công đất tầm 3m thuộc thửa 111, tờ bản đồ 15, tọa lạc ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang của ông Nguyễn Văn H1, giá 25.000.000đ, thời hạn cố 03 năm, nếu đến thời hạn chuộc đất ông H1 chưa có điều kiện chuộc thì ông, bà tiếp tục canh tác, hai bên đã giao đủ tiền và nhận đất để canh tác, việc cố đất có lập giấy cố đất ngày 16/8/2012 kèm theo. Khi ông H1 đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên thế chấp vay vốn tại Ngân hàng thì ông, bà biết nhưng không phản đối.

Việc Ngân hàng khởi kiện ông H1, ông bà không có ý kiến và không yêu cầu gì trong vụ án. Ông, bà đồng ý giao diện tích đất cầm cố nêu trên để Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chưa thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thành phần Hội đồng xét xử, nguyên tắc xét xử; trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm đảm bảo tính khách quan. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông H1 là bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết là tự nguyện phù hợp với Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005, hợp đồng tín dụng có đảm bảo bằng tài sản thế chấp, được công chứng theo quy định nên hợp đồng ký kết giữa hai bên là hợp pháp. Vì vậy, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng theo các thỏa thuận trong hợp đồng. Thời hạn vay theo thỏa thuận là 60 tháng (từ ngày 10/11/2016 đến ngày 10/11/2021), việc trả nợ thực hiện theo kỳ. Tuy nhiên, đến kỳ hạn trả nợ đầu tiên ông H1 không thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi vay theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 8 trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng là đúng và phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết nên có cơ sở chấp nhận.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông H1 trả nợ gốc là 80.000.000 đồng và lãi vay trong hạn là 19.472.691 đồng, lãi quá hạn gốc từ ngày 15/5/2017 đến ngày 25/7/2019 là 8.788.000 đồng là phù hợp theo nội dung hợp đồng vay và phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự 2005 nên có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, ông H1 còn phải chịu trả tiền lãi quá hạn tương ứng với dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Đối với phần yêu cầu về khoản lãi phạt lãi, tại phiên tòa, người được ủy quyền lại của Ngân hàng tự nguyện rút phần yêu cầu này là phù hợp với quy định, đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp ông H1 không trả nợ sau khi án có hiệu lực thi hành thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án huyện phát mãi tài sản thế chấp đã ký theo hợp đồng để thu hồi nợ.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông H1 phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông H1 vay với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiêu dùng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn, kết quả xác minh chính quyền địa phương xác định: Ông Nguyễn Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, kể từ đầu năm 2017 đến nay, ông H1 không có mặt tại nơi cư trú, ông H1 đi đâu và làm gì thì chính quyền địa phương không biết do ông H1 không trình báo. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hiện nay ông H1 đã thay đổi nơi cư trú nhưng không trình báo cho chính quyền địa phương và Ngân hàng được biết, theo khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì xác định địa chỉ cuối cùng của ông H1 tại ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H1 như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông H1 không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa

án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, ông H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông H1. Đối với ông I, bà Thu M có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngày 07/11/2016, ông Nguyễn Văn H1 ký kết hợp đồng tín dụng số: 4902/2016/KG/HĐTD - Lienvietpostbank vay Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 80.000.000 đồng. Tài sản thế chấp cho khoản nợ vay trên là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0770605 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp cho ông Nguyễn Văn H1 vào ngày 25/8/1995, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4902/2016/HĐTC/CNKIENGIANG ngày 07/11/2016 được công chứng hợp pháp đúng theo quy định. Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng của hai bên hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các quy định khác của pháp luật. Do đó, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 10/11/2016) tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa hết thời hạn thực hiện hợp đồng; Việc trả nợ (tiền vốn và tiền lãi) được thực hiện theo kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng cho đến nay ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là 05 kỳ. Do đó, việc Ngân hàng chuyển 05 kỳ trả nợ do ông H1 vi phạm sang nợ quá hạn, kể từ ngày 15/5/2017 cho đến nay và yêu cầu tất toán toàn bộ khoản vay trước thời hạn là có căn cứ và đúng với sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng.

Về yêu cầu tiền lãi của Ngân hàng theo bản kê cung cấp cho Tòa án, Ngân hàng thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng. Cụ thể như sau: Tiền lãi trong hạn 19.472.691 đồng, tiền lãi quá hạn 8.788.000 đồng, tổng cộng 28.260.691 đồng tính tròn 28.261.000 đồng.

Việc ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 7 trong hợp đồng trong hợp đồng, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu:

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng số: 4902/2016/KG/HĐTD - LienVietPostBank ngày 07/11/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Nguyễn Văn H1 trước thời hạn. Buộc ông H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền vay vốn 80.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 10/11/2016 tạm tính đến ngày 25/7/2019 là 28.261.000 đồng, tổng cộng cả vốn và lãi là 108.261.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, ông H1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi tương ứng với dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp, ông Nguyễn Văn H1 không trả khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4902/2016/HĐTC/CNKIENGIANG, ngày 07/11/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Nguyễn Văn H1.

Tại phiên tòa người được ủy quyền lại của Ngân hàng thống nhất và tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi phạt lãi do vi phạm hợp đồng là 4.726.914 đồng việc rút yêu cầu này không trái với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007368 ngày 18 tháng 12 năm 2018 (nộp chuyển khoản ngày 20/12/2018) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $108.261.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.413.050 \text{ đồng}$ tính tròn 5.413.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 1 khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 351; Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005;

Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Văn H1.

1. Chấm dứt hợp đồng tín dụng số: 4902/2016/KG/HĐTD - LienVietPhostBank ngày 07/11/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Nguyễn Văn H1 trước thời hạn. Buộc ông Nguyễn Văn H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A các khoản tiền, cụ thể như sau:

Tiền vay vốn 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Tiền lãi 28.260.691 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn 19.472.691 đồng, tiền lãi quá hạn 8.788.000 đồng) tính tròn 28.261.000 đồng.

Tổng cộng: 108.261.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2019), ông H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 4902/2016/KG/HĐTD - LienVietPhostBank ngày 07/11/2016, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn H1 không trả khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4902/2016/HĐTC/CNKIENGIANG, ngày 07/11/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Nguyễn Văn H1 để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0770605 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn H1 vào ngày 25/8/1995.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc rút yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải trả tiền phạt chậm trả lãi 4.726.914 đồng.

2. Về án phí: Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), nộp chuyển khoản ngày 20/12/2018 theo biên lai thu tiền số 0007368 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.413.000 đồng (Năm triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày; Đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án là ngày 25/7/2019; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Danh Thanh Phát